

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẮNG BÌNH**

Mẫu biểu số 62
(Thông tư 342/2016/TT-BTC
ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: 958 /BC-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6=3/1	7=3/2
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	1.124.389,00	1.133.199,00	1.451.500,45	1.042.804,45	408.696,00	129,09	128,09
I	Chi đầu tư phát triển	141.493,00	146.703,00	266.362,53	154.267,53	112.095,00	188,25	181,57
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực	141.493,00	146.703,00	266.362,53	154.267,53	112.095,00	188,25	181,57
	<i>Trong đó: nguồn TPCP</i>	-	-					
1.1	Chi quốc phòng			-				
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			10.868,02	10.868,02			
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			54.004,79	46.590,26	7.414,53		
1.4	Chi khoa học và công nghệ			-				
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình			342,00		342,00		
1.6	Chi văn hóa thông tin			8.199,09	616,60	7.582,48		
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			-				
1.8	Chi thể dục thể thao			2.322,76		2.322,76		
1.9	Chi bảo vệ môi trường			2.172,44	1.899,04	273,39		
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			178.837,53	90.948,53	87.889,00		
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			5.204,75	1.296,59	3.908,16		
1.12	Chi bảo đảm xã hội			4.411,16	2.048,49	2.362,68		
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác và VĐT Chưa phân bổ chi tiết			-				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN hoạt động công ích...	-	-	-				
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-				
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định	-	-	-				
III	Chi thường xuyên	914.039,00	917.639,00	947.846,80	676.182,05	271.664,76	103,70	103,29

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
2.1	Chi quốc phòng	12.119,00	12.919,00	21.444,15	12.623,58	8.820,57	176,95	165,99
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	4.915,00	4.915,00	8.559,54	1.045,91	7.513,63	174,15	174,15
2.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	401.189,00	401.189,00	394.925,15	394.352,13	573,02	98,44	98,44
2.4	Chi khoa học và công nghệ			-			-	-
2.5	Chi y tế, dân số và gia đình	15.513,00	15.513,00	15.474,53	14.370,24	1.104,29	99,75	99,75
2.6	Chi văn hóa thông tin	6.565,00	6.565,00	7.074,76	3.142,91	3.931,85	107,76	107,76
2.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	3.144,00	3.144,00	2.830,37	1.378,28	1.452,09	90,02	90,02
2.8	Chi thể dục thể thao	2.560,00	2.560,00	2.746,91	746,31	2.000,59	107,30	107,30
2.9	Chi bảo vệ môi trường	5.850,00	5.850,00	7.476,79	285,48	7.191,31	127,81	127,81
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	135.586,00	136.386,00	78.730,34	48.285,65	30.444,69	58,07	57,73
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	198.829,00	200.829,00	246.832,86	68.716,96	178.115,90	124,14	122,91
2.12	Chi bảo đảm xã hội	124.707,00	124.707,00	158.482,69	129.179,36	29.303,33	127,08	127,08
2.13	Chi khác	3.062,00	3.062,00	3.268,72	2.055,23	1.213,49	106,75	106,75
IV	Chi các nhiệm vụ chi khác	-	-	-			-	-
V	Chi chuyển nguồn	-	-	237.291,12	212.354,87	24.936,25		
VI	Dự phòng ngân sách	19.128,00	19.128,00	-			-	-
VIII	Chi từ nguồn thu phí bảo vệ môi trường	-	-	-			-	-
IX	Nguồn tinh lại từ tăng thu dự toán nộp về tỉnh	-	-	-			-	-
X	Nguồn cải cách tiền lương	49.729,00	49.729,00	-			-	-
XI	Nguồn tăng thu chưa phân bổ	-	-	-			-	-
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-	-	346.578,93	346.578,93	-	-	
1	Bổ sung cân đối	-	-	156.495,46	156.495,46	-	-	
2	Bổ sung có mục tiêu	-	-	190.083,47	190.083,47	-	-	

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSĐP	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
	<i>Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước</i>	-		189.926,27	189.926,27	-	-	
	<i>- Bằng nguồn vốn ngoài nước</i>	-	-	157,20	157,20	-	-	-
C	Chi hỗ trợ các địa phương khác			-	-	-		
D	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-	111.349,76	94.227,21	17.122,55	***	***
	TỔNG SỐ (A+C+D)	1.124.389,00	1.133.199,00	1.545.727,67	1.483.610,59	425.818,55	137,5	136,4

Ghi chú: số quyết toán chi ngân sách không bao gồm chi tiêu tính trùng từ thu bổ sung ngân sách cấp xã là: 1.545.727,666098 triệu đồng
